

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN (PNJ)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2020);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155 năm 2020);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Thông tư 116 năm 2020).

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1.	ĐIỀU 14: VỐN ĐIỀU LỆ Khoản 2: 2. Vốn điều lệ của Công ty là 2.276.123.620.000 đồng (Hai ngàn hai trăm bảy mươi sáu tỷ một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn) vào ngày thông qua Điều lệ này;	ĐIỀU 14: VỐN ĐIỀU LỆ Khoản 2: 2. Vốn điều lệ của Công ty là 2.426.123.620.000 đồng (Hai ngàn bốn trăm hai mươi sáu tỷ một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn) vào ngày thông qua Điều lệ này;	Sửa đổi do việc cập nhật vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
2.	ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG Khoản 5: 5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <u>liên quan đến cổ đông</u> trong Danh sách cổ đông <u>đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG Khoản 5: 5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin <u>về tên và địa chỉ liên lạc</u> trong danh sách cổ đông <u>có quyền biểu quyết</u> ; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác <u>của mình</u> ;	Sửa đổi phù hợp với Điểm đ, Khoản 1, Điều 115, Luật doanh nghiệp năm 2020
3.	ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG Khoản 9.1: 9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: 9.1. Đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Luật Doanh nghiệp; Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội	ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG Khoản 9.1: 9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: 9.1. Đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, và Quy chế quản trị công ty; Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp	Sửa đổi nhằm rõ ràng và phù hợp thực tế, tránh tranh cãi khi thực hiện sau này.

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử <u>theo qui định tại Điều 40 Điều lệ này.</u></p>	
4.	<p>ĐIỀU 30: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 5.1 và khoản 6:</p> <p>5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn lại như quy định tại khoản 4.3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5.1 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>6.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu</u></p>	<p>ĐIỀU 30: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 5.1 và khoản 6:</p> <p>5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn lại như quy định tại khoản 4.3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5.1 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và các thành viên Hội đồng quản trị</u> phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>6.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. <u>Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày</u> kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 140, Luật doanh nghiệp năm 2020</i></p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><u>tập lại trong vòng 30 ngày</u>, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>6.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày</u>, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>6.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, <u>người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày</u>, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 141 và Khoản 1, Điều 143, Luật doanh nghiệp năm 2020</i></p>
5.	<p>ĐIỀU 31: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 2 mục 6:</p> <p>Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu/trái phiếu cho đối tác chiến lược</p>	<p>ĐIỀU 31: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 2 mục 6:</p> <p>Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu/trái phiếu <u>chuyển đổi</u> cho đối tác chiến lược</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với thực tế.</i></p>
6.	<p>ĐIỀU 32: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 2.1:</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông tin về việc</p>	<p>ĐIỀU 32: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 2.1:</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông tin về việc lập Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 141, Luật doanh nghiệp năm 2020</i></p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	lập Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (5) ngày làm việc</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh	được công bố thông tin tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá mười (10) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	
7.	ĐIỀU 32:TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Khoản 3: 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất <u>mười lăm (15) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	ĐIỀU 32:TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Khoản 3: 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất <u>hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 143, Luật doanh nghiệp năm 2020
8.	ĐIỀU 33: THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Khoản 14: <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong chương trình họp. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc</u>	ĐIỀU 33: THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Khoản 14: <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, Điều 146, Luật doanh nghiệp năm 2020

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<u>hợp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo công khai ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u>	<u>bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;</u>	
9.	ĐIỀU 34: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP Khoản 3 mục 9: 3.9. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu, trái phiếu cho đối tác chiến lược;	ĐIỀU 34: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP Khoản 3 mục 9: 3.9. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu, trái phiếu <u>chuyển đổi</u> cho đối tác chiến lược;	<i>Khuyến nghị sửa đổi phù hợp với thực tế, để thực hiện sau này khi phát hành Trái phiếu không chuyển đổi.</i>
10.	ĐIỀU 34: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP Không qui định	ĐIỀU 34: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP Khoản 3 mục 13, 14: <u>3.13. Gia hạn thời gian hoạt động;</u> <u>3.14. Hợp đồng giao dịch qui định tại khoản 11, Điều 59 Điều lệ này.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với Điều 59, Điều 72, Dự thảo Điều lệ sửa đổi PNJ</i>
11.	ĐIỀU 34: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP Khoản 4: 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ	ĐIỀU 34: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP Khoản 4: 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên	<i>Bổ sung để thuận tiện hơn trong công tác bầu cử sau này;</i> <i>Phù hợp với Khoản 3, Điều 148, Luật doanh nghiệp năm 2020</i>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo quy chế bầu cử.	có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo quy chế bầu cử. <u>Lưu ý, trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 34 Điều lệ Công ty hoặc Khoản 10, Điều 36 Điều lệ Công ty.</u>	
12.	ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Khoản 3: 3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Khoản 3: 3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>Phù hợp với thực tế qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</i>
13.	ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN Khoản 2 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười lăm (15) ngày</u>	ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN Khoản 2 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày hết hạn nhận	<i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 149, Luật doanh nghiệp năm 2020; Phù hợp với thực tế, thuận tiện công tác Lấy ý kiến bằng văn bản sau này.</i>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến	phiếu lấy ý kiến	
14.	<p>ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</p> <p>Khoản 4</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</u></p> <p>4.2. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>4.3. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông;</u></p> <p>4.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>4.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>4.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>4.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</p> <p>Khoản 4</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>4.2. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>4.3. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p> <p>4.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>4.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>4.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>4.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 149, Luật doanh nghiệp năm 2020;</i></p>
15.	<p>ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</p> <p>Khoản 6</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự</p>	<p>ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</p> <p>Khoản 6</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, Điều 149, Luật doanh nghiệp năm 2020;</i></p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>6.3. Số cổ đông với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ và số cổ phần có quyền biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>6.4. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>6.5. <u>Các quyết định đã được thông qua;</u></p> <p>6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</u></p>	<p>chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>6.3. Số cổ đông với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ và số cổ phần có quyền biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>6.4. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>6.5. <u>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</u></p>	
16.	<p>ĐIỀU 37: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 1</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9, Điều 24, Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông</p>	<p>ĐIỀU 37: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Khoản 1</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9, Điều 24, Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Điều 24, Dự thảo Điều lệ sửa đổi PNJ;</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 151, Luật doanh nghiệp năm 2020.</i></p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo</u> quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty; Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	
17.	<p>ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Khoản 3.2, điểm h</p> <p>h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (<u>Giám đốc</u>) và người quản lý khác của công ty.</p>	<p>ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Khoản 3.2, điểm h</p> <p>h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.</p>	<p><i>Phù hợp Luật Doanh nghiệp năm 2020</i></p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
18.	<p>ĐIỀU 40: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Khoản 4:</p> <p><u>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p>	<p>ĐIỀU 40: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Khoản 4:</p> <p><u>Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p><i>Phù hợp Điều 274, Nghị định 155 năm 2020;</i></p> <p><i>Sửa đổi nhằm rõ ràng và phù hợp thực tế..</i></p>
19.	<p>ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>2.1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn <u>các nhiệm vụ</u> của Hội đồng quản trị;</p>	<p>ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>2.1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với Quy chế quản trị</i></p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
20.	<p>ĐIỀU 48: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161, Luật Doanh nghiệp, <u>Điều lệ công ty</u> và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>ĐIỀU 48: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161, Luật Doanh nghiệp, <u>Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị</u> và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p><i>Bổ sung để đủ quyền, nghĩa vụ được quy định thêm tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị</i></p>
21.	<p>ĐIỀU 52: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>Khoản 12:</p> <p>12. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái luật, trái Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay với <u>các Kiểm soát viên</u>;</p>	<p>ĐIỀU 52: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>Khoản 12:</p> <p>12. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái luật, trái Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay với <u>Hội đồng quản trị thông qua Ủy ban kiểm toán</u>;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp mô hình quản trị qui định tại Dự thảo Điều lệ sửa đổi PNJ;</i></p>
22.	<p>ĐIỀU 58: TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p> <p>Khoản 1:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người quản lý</u> khác có trách nhiệm sau đây:</p>	<p>ĐIỀU 58: TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p> <p>Khoản 1:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người điều hành doanh nghiệp</u> khác có trách nhiệm sau đây:</p>	<p><i>Sửa đổi thống nhất với tiêu đề Điều 58, Dự thảo Điều lệ sửa đổi PNJ;</i></p>
23.	<p>ĐIỀU 59: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</p>	<p>ĐIỀU 59: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với khoản 4, Điều 164, Luật doanh nghiệp năm 2020</i></p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>Khoản 4:</p> <p>4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2, Điều này được thực hiện như sau:</p> <p><u>4.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</u></p> <p>4.2. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;</p> <p>4.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác có quyền xem xét, <u>trích</u> lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;</p> <p>4.4. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại <u>điểm 4.3</u> khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, <u>gây</u> khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị công ty.</p>	<p>Khoản 4:</p> <p>4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2, Điều này được thực hiện như sau:</p> <p><u>4.1. Khi có sự yêu cầu của cổ đông, công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</u></p> <p>4.2. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;</p> <p>4.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác có quyền xem xét, <u>trích</u> lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;</p> <p>4.4. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại <u>điểm 4.2</u> khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, <u>gây</u> khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị công ty.</p>	

Ngoài ra, Điều lệ chỉnh sửa lại lỗi chính tả như “cổ đồng” thành “cổ đông”, sửa lỗi lặp từ, thống nhất chung một thuật ngữ “thành viên Hội đồng quản trị độc lập”, “thành viên độc lập Hội đồng quản trị” thành “thành viên độc lập Hội đồng quản trị”...